

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I.THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Nghi Ân

2. Địa chỉ trụ sở:

Địa chỉ: Xóm Kim Sơn, xã Nghi Ân, tp Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số điện thoại: 0941172272

Email: mnnghian.vinh@nghean.edu.vn

Website: mnnghian.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

*** Sứ mạng:**

- Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phát triển toàn diện về nhận thức, thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, kỹ năng xã hội và đặc biệt chú trọng giáo dục kỹ năng sống, làm quen tiếng Anh cho trẻ. Giúp trẻ vững bước trong tương lai.

*** Tầm nhìn**

- Xây dựng một ngôi trường thân thiện, chất lượng cao. Là ngôi nhà chung để trẻ thực sự mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

*** Mục tiêu**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với thực tế của nhà trường, khả năng của trẻ trên cơ sở chương trình của Bộ GD&ĐT qui định; Phát triển chương trình của nhà trường, áp dụng một số phương pháp dạy học tiên tiến, cho trẻ làm quen tiếng Anh, các môn học tăng cường phù hợp nhằm nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ;

- Không ngừng nâng cấp CSVC ngày càng khang trang, hiện đại; Thiết kế môi trường và các hoạt động đa dạng, phong phú, sáng tạo để tất cả trẻ được tham gia và phát triển toàn diện. Phát triển các khả năng đặc biệt, năng khiếu sẵn có của trẻ.

- Trẻ được yêu thương, quan tâm, được đối xử chân thành, công bằng và được tôn trọng sự khác biệt; được tham gia các hoạt động một cách chủ động và sáng

tạo, được tăng cường tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm, các hoạt động giáo dục tăng cường. Kết quả cuối năm học trẻ đạt và vượt mục tiêu cuối độ tuổi.

- Một môi trường CBGVNV làm việc tận tâm, khoa học nhằm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt chất lượng cao; đội ngũ CBGVNV rèn luyện, phát huy năng lực bản thân và trưởng thành.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường mầm non Nghi Ân:

Trường mầm non Nghi Ân tiền thân là trường mẫu giáo Nghi Ân được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 1974, sau chuyển thành trường mầm non bán công xã Nghi Ân. Đến năm 2011 trường được chuyển từ trường mầm non bán công sang công lập và đổi tên thành trường mầm non Nghi Ân được Chủ tịch UBND thành phố Vinh ký quyết định chuyển đổi loại hình trường số: 2165/QĐ-UBND.VX ngày 21/6/2011.

Nhà trường được UBND Thành phố Vinh đầu tư xây dựng địa điểm tại khu trung tâm UBND xã Nghi Ân. Tổng diện tích là 3173 m², trong đó diện tích phòng học là 1309 m², diện tích sân chơi là 1300 m². Trường có 17 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Trong 50 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1995 - 2008 liên tục đạt trường tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc; lá cờ đầu của ngành học mầm non tỉnh Nghệ An. Từ năm 2009 - đến nay trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc, Chi bộ liên tục nhiều năm liền đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” được Tỉnh ủy tặng Bằng khen. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2004-2010. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 1 từ năm học 2021-2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Nga
- Chức vụ : Hiệu trưởng trường mầm non Nghi Ân
- Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Kim Sơn, xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 0941172272
- Email: bichnga73@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Trường mầm non Nghi Ân tiền thân là trường mẫu giáo Nghi Ân được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 1974, sau chuyển thành trường mầm non bán công xã Nghi Ân. Đến năm 2011 trường được chuyển từ trường mầm non bán công sang công lập và đổi tên thành trường mầm non Nghi Ân được Chủ tịch

UBND thành phố Vinh ký quyết định chuyển đổi loại hình trường theo Quyết định số: 2165/QĐ-UBND.VX ngày 21/6/2011.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 V/v công nhận hội đồng trường Trường Mầm non Nghi Ân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 5706/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 quyết định về việc kiện toàn hội đồng trường mầm non Nghi Ân nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường

(Ban hành kèm Quyết định số 5706/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 quyết định về việc kiện toàn hội đồng trường mầm non Nghi Ân nhiệm kỳ 2021-2026)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Đại diện các tổ chức đoàn thể
1	Nguyễn Thị Bích Nga	18/10/1973	BT chi bộ, Hiệu trưởng trường MN Nghi Ân	Chi bộ trường MN Nghi Ân
2	Trần Thị Hoài	30/09/1989	PHT- CT công đoàn trường MN Nghi Ân	Công đoàn trường MN Nghi Ân
3	Nguyễn Thị Yến	15/04/1979	Phó BT chi bộ- PHT trường MN Nghi Ân	Tập thể GV, NV trường
4	Nguyễn Thị Xuân Hương	27/6/1981	Cấp ủy viên-TTCM	Tập thể GV khối mẫu giáo 3-4 tuổi
5	Đào Thị Lương	18/10/1981	Tổ trưởng CM	Tập thể GV khối mẫu giáo 2-5tuổi
6	Lê Thị Thu Trà	26/3/1993	Bí thư chi đoàn	Chi đoàn thanh niên
7	Hoàng Thị Hòa	26/12/1984	Kế toán	BP hành chính
8	Phạm Xuân Sang	01/9/1983	Trưởng BDDCMHS	Ban ĐD CM HS
9	Nguyễn Trọng Biên	10/9/1974	Phó chủ tịch UBND xã Nghi Ân	Chính quyền địa phương

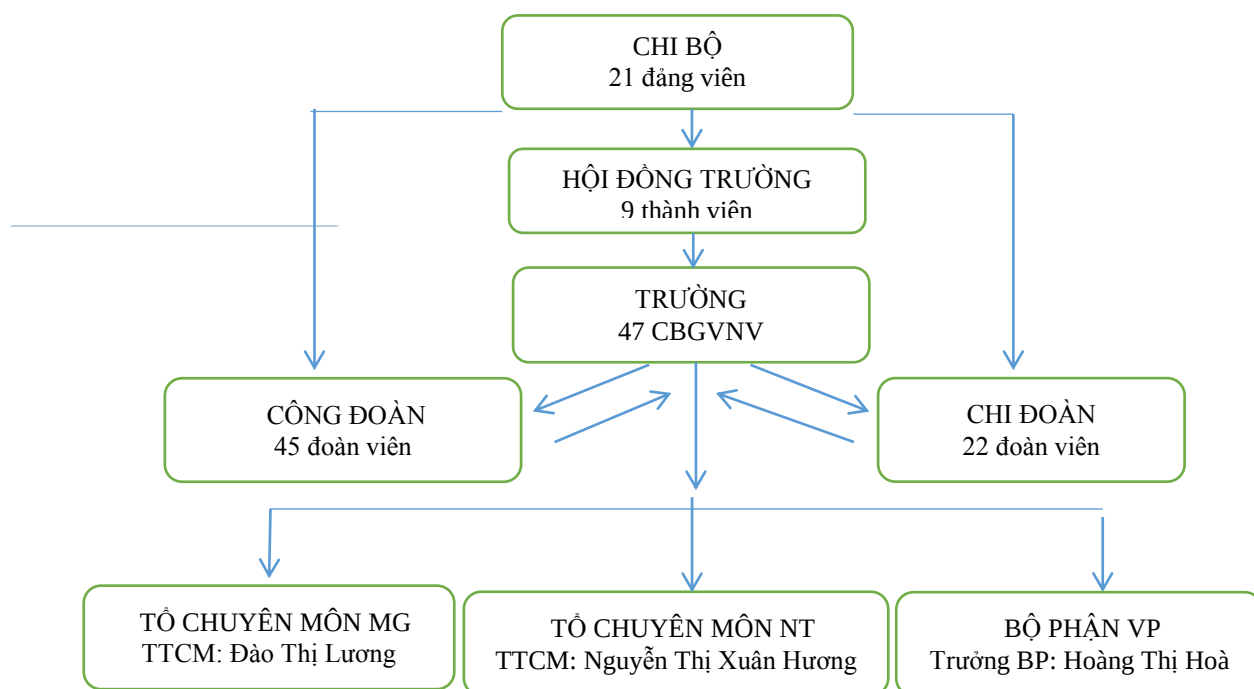
c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó HT

- Quyết số 4235/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 Về việc bổ nhiệm viên chức quản lý - Trần Thị Hoài giữ chức Phó hiệu trưởng trường MN Nghi Ân.

-Quyết định số3194/QĐ- UBND ngày 23/6/2020 QĐ về việc điều động bổ nhiệm viên chức quản lý- Nguyễn Thị Yến giữ chức Phó hiệu trưởng trường MN Nghi Ân.

- Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 28/10/2023 về việc điều động bổ nhiệm viên chức quản lý – Nguyễn Thị Bích Nga giữ chức vụ Hiệu trưởng trường MN Nghi Ân

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường MN Nghi Ân



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Nga

Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ thư điện tử: bichnga73@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN Nghi Ân - xóm Kim Sơn, xã Nghi Ân, TP Vinh, Nghệ An.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Yến

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ thư điện tử: nguyenyenmnnghian@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN Nghi Ân - xóm Kim Sơn, xã Nghi Ân, TP Vinh, Nghệ An.

- Họ và tên: Trần Thị Hoà

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ thư điện tử: thanhhoaibsu@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN Nghi Ân – xóm Kim Sơn, xã Nghi Ân, TP Vinh, Nghệ An.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược số 89/CL-MN ngày 04 tháng 9 năm 2020 chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non Giai đoạn 2020 - 2025 của trường mầm non Nghi Ân;

- Kế hoạch số 121/KH-MN ngày 04 tháng 09 năm 2024; Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; Quy chế nội bộ; qui chế chi tiêu nội bộ; qui chế quản lý tài sản công; qui tắc ứng xử trong trường mầm non; qui chế phối hợp giữa công đoàn và nhà trường:

(Ban hành kèm quyết định số: 142/QĐ-MN ngày 25/9/2024; Quyết định V/v ban hành bộ quy chế trường mầm non Nghi Ân)

- Các nghị quyết của hội đồng trường:

+ Nghị quyết Số:13/NQ-TrMN ngày 05 tháng 9 năm 2024 Về việc thông qua kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Nghi Ân.

+ Nghị quyết Số:20b/NQ-TrMN ngày 16 tháng 01 năm 2025 Về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Nghi Ân.

+ Nghị quyết Số: 24/NQ-TrMN ngày 04 tháng 02 năm 2025; Nghị quyết Kế hoạch phát triển năm học 2025 – 2026 của Trường Mầm non Nghi Ân

+ Nghị quyết Số: 81/NQ-TrMN ngày 29 tháng 5 năm 2025 Về việc thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Nghi Ân.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			TS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	47	0	31	05	05	06
I	Cán bộ quản lý	03	0	03	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	01	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	02	0	02	0	0	0

II	Giáo viên	31	0	26	05	0	0
III	Nhân viên	13	0	03	01	05	04
1	Nhân viên (BC)	01	0	01	0	0	0
2	Nhân viên phục vụ	10	0	02	01	05	02
3	Nhân viên bảo vệ	02	0	0	0	0	02

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

Tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp : số lượng 3/3 đạt 100%

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp : 31/31 đạt 100%

3) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Cán bộ quản lý: Số lượng 3/3 đạt 100%

Giáo viên: Số lượng 31/31 đạt 100%

Nhân viên: Số lượng 1/1 đạt 100%

Số lượng tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Đối sách với yêu cầu
I	Diện tích khu đất xây dựng trường	3173m ²	5550 m ²	-2623 m ²
	Điểm trường	01		
	Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em		7.72 m ² /trẻ	-2.28 m ² /trẻ
II	Số lượng hạng mục thuộc Khối phòng hành chính quản trị; khối phòng NDCSGD; khối phòng tổ chức ăn			
1	Khối phòng hành chính quản trị			
-	Phòng Hiệu trưởng	01	15m ²	Đảm bảo đủ dùng trang thiết bị theo qui định
-	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	35m ²	
-	Văn phòng trường	01	40m ²	
-	Phòng dành cho nhân viên	01	20m ²	
-	Phòng bảo vệ	01	8m ²	
-	Khu vệ sinh GV, cán bộ, nhân viên	01	12m ²	
-	Khu để xe của GV, cán bộ, nhân viên	01	100m ²	
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
a	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	17	1020m ²	+187 m ²
-	Nơi ngủ (đối với nhóm, lớp mẫu giáo có thể sử dụng chung với khu sinh hoạt chung);	16	480m ²	-186m ²

-	Khu vệ sinh	17		Đảm bảo theo qui định
-	Hiên chơi, đón trẻ em	17	310m ²	
-	Kho nhóm, lớp	0	0	0
-	Phòng giáo viên	0	0	0
b	Phòng giáo dục thể chất,	01	60m ²	Đảm bảo
-	Phòng giáo dục Nghệ thuật	01	60m ²	Đảm bảo
-	Phòng đa chức năng	01	80m ²	+20m ²
c	Sân chơi riêng: lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định.	01	1444 m ²	+102m ²
3	Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn)			
-	Nhà bếp	01	180m ²	+13.5m ²
-	Kho bếp	01	22 m ²	+12m ²
4	Khối phụ trợ			
-	Phòng họp	01	40 m ²	-20m ²
-	Phòng Y tế	01	12 m ²	+2m ²
-	Nhà kho	01	15 m ²	-25m ²
-	Sân vườn	01	1444 m ²	-221m ²
-	Cổng, hàng rào	Có		Đảm bảo
5	Hạ tầng kỹ thuật			
-	Hệ thống cấp nước sạch	01		Đảm bảo theo qui định
-	Hệ thống cấp điện	01		
-	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	02		
-	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	01		
-	Khu thu gom rác thải	01		
6	Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố			Đảm bảo
III.	Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có	17	1/1	17/17
IV	Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.	20		20

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá: Trường mầm non Nghi Ân tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Kết quả đánh giá và công nhận tháng 6/2022
- Kế hoạch đánh giá và công nhận lại: năm học 2026-2027

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của HK II năm học 2024-2025;

	Nội dung	Tổng số trẻ/ tổng số nhóm lớp	NT 25-36 tháng	Mẫu giáo		
				3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp	562 trẻ/17 nhóm, lớp	31 trẻ/ 01 nhóm	145 trẻ/ 5 lớp	172 trẻ/ 5 lớp	214 trẻ/ 6 lớp
2	Số trẻ em nhóm ghép		0	0	0	0
3	Số trẻ em học 02 buổi/ngày	562	31	145	172	214
4	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	562	31	145	172	214
5.1	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	562	31	145	172	214
	Số trẻ cân nặng bình thường	553	31	143	170	209
	Số trẻ cân nặng thể SDD nhẹ cân	1	0	1	0	0
	Số trẻ có chiều cao bình thường	553	29	140	170	214
	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9	2	5	2	0
	Số trẻ thừa cân béo phì	8	0	1	2	5
5.2	Số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ;	562	31	145	172	214
	Số trẻ Sk loại A	556	31	144	170	211
	Số trẻ Sk loại B	6	0	1	2	3
6	Kết quả phổ cập MN cho trẻ 5 tuổi	214				214
7	Số trẻ khuyết tật	0	0	0		

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THU – CHI NĂM 2024

(Mục 1- a; Mục 4)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Phát sinh thu trong kỳ	Số quyết toán trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Ngân Sách		5.025.505.000	5.025.505.000	0
2	Học Phí	466.146.910	588.820.000	932.159.900	122.807.010
3	Thứ 7	1.292.900	0	1.292.900	0
4	Tiền KP VDDC	55.938.900	93.960.000	102.298.900	47.600.000
5	Vận động tài trợ	7.776.400	216.060.000	0	223.836.400
6	Nguồn tiền ăn chính	280.750.300	2.619.555.000	2.481.103.800	419.201.500

7	Nguồn tiền ăn sáng	600	0	0	600
8	BHXH nhân viên HĐ	0	62.112.000	62.112.000	0
9	Tiền Hội phí	36.790.800	22.860.000	50.914.700	8.736.100
10	Tiếng Anh tăng cường	5.291.900	673.780.000	451.650.300	227.421.600
11	Tiền sở hỗ trợ				
12	Tiền học phí hè	3.832.500	161.600.000	165.432.500	0
13	Phí tuyển sinh	0	4.830.000	2.000.000	2.830.000
14	Phục vụ bán trú	170.636.500	648.615.000	815.799.500	3.452.000
	Tổng cộng	1.028.457.710	10.117.697.000	10.090.269.500	1.055.885.210

**CÔNG KHAI CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN
(Mục 1-b)**

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	CHIA THEO NGUỒN KINH PHÍ		
		NGÂN SÁCH CẤP	THU TẠI ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG
I	Chi thanh toán cá nhân			
1	Chi tiền lương, tiền công	2.308.322.107	322.353.000	2.630.675.107
2	Chi tiền phụ cấp lương	1.228.159.993	318.773.000	1.546.932.993
3	Chi tiền các khoản đóng góp theo lương	687.613.200	163.360.000	850.973.200
4	Chi từ các quỹ đã được trích lập	230.183.600		230.183.600
5	Chi công tác phí	17.788.000	6.326.000	24.114.000
6	Thưởng theo danh hiệu thi đua	163.150.000		163.150.000
II	Cho hoạt động			
1	Chi nghiệp vụ chuyên môn	184.292.300	432.274.500	616.566.800
2	Chi thanh toán tiền điện, nước, điện thoại, sách báo	108.001.100	12.854.400	120.855.500
3	Thông tin truyền thông, liên lạc	5.640.000		5.640.000
4	Chi vật tư văn phòng	48.500.300	11.398.500	59.898.800
5	Chi tiền y tế trong đơn vị		23.546.000	23.546.000
6	Chi sửa chữa thường xuyên	24.107.000	6.795.000	30.902.000
7	Chi khác	13.230.000	624.717.500	655.947.500
III	Chi hỗ trợ học sinh			
1	Chi hỗ trợ cho học sinh	6.150.000		6.150.000
	TỔNG CỘNG	5.025.505.000	1.940.653.100	6.966.158.100

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025 – 2026 VÀ DỰ KIẾN
MỨC THU CHO 2 NĂM TIẾP THEO
(Mục 2)

Đơn vị tính: Đồng/tháng

STT	TÊN KHOẢN THU	Thời gian để tính mức thu	DỰ KIẾN THU THEO NĂM HỌC		
			Dự kiến NH: 2025-2026	Dự kiến NH: 2026-2027	Dự kiến NH: 2027-2028
1	Học phí nhà trẻ	Tháng	90.000.000	90.000.000	90.000.000
2	Học phí mẫu giáo	Tháng	871.200.000	900.000.000	900.000.000
3	Dự kiến thu tiền ăn bán trú	Ngày	3.171.960.000	3.267.000.000	3.267.000.000
4	Dự kiến thu tiền kinh phí bán trú	Tháng	768.960.000	792.000.000	792.000.000
5	Dự kiến thu tiền đồ dùng vật dụng dùng chung	Năm	64.080.000	66.000.000	66.000.000
6	Phí tuyển sinh	Năm	6.000.000	6.000.000	6.000.000

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
THUỘC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO TRẺ 3-4 TUỔI NĂM HỌC 2024 -2025
(Mục 3)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Số tiền học phí được miễn giảm		
				Định mức/tháng	Số tháng	Số tiền miễn giảm cả năm học
1	Nguyễn Thanh Bình	D3	Hộ nghèo	200.000	9	1.800.000
2	Nguyễn Thị Hải Vy	E3	Hộ nghèo	200.000	9	1.800.000
3	Lương Đình Tài	B4	Hộ cận nghèo	100.000	9	900.000
4	Lương Bảo An	A4	Hộ cận nghèo	100.000	9	900.000
	Tổng cộng					5.400.000

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ
HỌC TẬP NĂM HỌC 2024-2025
(Mục 3)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Số tiền học phí được miễn giảm		
				Định mức/tháng	Số tháng	Số tiền miễn giảm cả năm học
1	Nguyễn Thanh Bình	D3	Hộ nghèo	150.000	9	1.350.000
2	Nguyễn Thị Hải Vy	E3	Hộ nghèo	150.000	9	1.350.000
3	Phạm Thị Minh Nguyệt	E5	Hộ nghèo	150.000	9	1.350.000
4	Lê Trọng Dương	D5	KV3	150.000	9	1.350.000
	Tổng cộng					5.400.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Hoàn thành chương trình học kỳ II: Thực hiện hoàn thành chương trình giáo dục tuần 19 đến hết tuần 35.

2. Các hoạt động giáo dục tăng cường: Hoàn thành chương trình kịp tiến độ hết tuần 35, đảm bảo 70 tiết/năm học các môn: Làm quen tiếng Anh, Võ, Aerobic

3. Các hoạt động khác:

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm, chuyên môn thành phố theo đúng kế hoạch. Có 10 SKKN đạt SKKN cơ sở.

- Thực hiện các nội dung chuyên đề, các phong trào thi đua, các cuộc vận động đầy đủ, kịp thời theo đúng kế hoạch của Phòng GD&ĐT thành phố Vinh, của trường.

- Tổ chức tại trường các ngày hội, rèn luyện kỹ năng cho trẻ theo đúng tiến độ, kế hoạch tháng của năm học.

- Tham gia ngày hội “ Bé thông minh - Vui khỏe” cấp thành phố: Nội dung làm quen tiếng Anh có 2 video tham gia thi; 06 trẻ tham gia các nội dung tại ngày hội; Phần thi Aerobic đạt giải bạc, đứng thứ 06/30 trường tham gia.

- Thực hiện các khoản thu theo văn bản hướng dẫn đầy đủ, kịp thời.

- Tổ chức tổng kết năm học, chia tay trẻ 5 tuổi

- Kết quả thi đua năm học 2024-2025:

+ Chi bộ: Năm 2024: HTTNV

+ Trường: Tập thể lao động tiên tiến

+ Danh hiệu cá nhân: LĐTT: 35/35

CSTĐCS: 10

UBND Tỉnh tặng bằng khen: 01

Nơi nhận:

- CBGVNV ;
- Website (Công khai);
- Lưu VT;

